

Số: /BC-VPĐP

Ninh Thuận, ngày tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn năm 2020 và định hướng thực hiện năm 2021

I. Tình hình triển khai

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Căn cứ Kế hoạch thực hiện và Kế hoạch kiểm tra, giám sát Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020 của UBND tỉnh¹, các sở ngành và địa phương đã cụ thể hóa phù hợp với thực tiễn của đơn vị mình để tổ chức triển khai thực hiện. Đồng thời, để đảm bảo tính liên tục trong quá trình chỉ đạo, thực hiện, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành liên quan tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 để đề xuất, tham mưu chính sách cho giai đoạn 2021-2025.

Ban chỉ đạo, Ban quản lý thực hiện Chương trình các cấp được củng cố, kiện toàn phù hợp với thực tế, tình hình mới sau Đại hội Đảng các cấp, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo được thực hiện tập trung, xuyên suốt.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

Trong năm, Mặt trận và Đoàn thể các cấp, các cơ quan thông tin, truyền thông, Văn phòng điều phối NTM các cấp và các địa phương đã phối hợp tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền với nhiều nội dung và hình thức khác nhau như truyền truyền miệng, đối thoại trực tiếp với dân; tuyên truyền thông qua pa-nô, áp-phích; tuyên truyền trên các chuyên mục, chuyên trang của các báo hình, báo giấy, báo điện tử, trang thông tin điện tử; tuyên truyền thông qua các hội thi, các mô hình xây dựng tuyến đường kiểu mẫu, mô hình camera an ninh ²...góp

¹ Các Kế hoạch: số 670/KH-UBND ngày 09/3/2020 về việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020; số 1548/KH-UBND ngày 29/4/2020 kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020.

² - VPĐP nông thôn mới tỉnh đã phối hợp cùng Đài PT-TH tỉnh và các địa phương đã tổ chức 04 buổi giao lưu- đối thoại trực tiếp về NTM với người dân ở các xã: Phước Hòa (*huyện Bác Ái*), Phước Thái (*huyện Ninh Phước*), Tân Hải (*huyện Ninh Hải*), Lợi Hải (*huyện Thuận Bắc*); VPĐP nông thôn mới tỉnh tổ chức 10 lớp tuyên truyền trực tiếp cho người dân ở các xã ĐBK: Phước Hòa, Phước Tân, Phước Chính, Phước Đại, Hòa Sơn, Ma Nới, Phước Kháng, Phước Chiến, Bắc Sơn, Phước Hà; Hỗ trợ lắp đặt 25 bộ đèn NLMT, 02 pa-nô, 38 bảng hiệu tuyên truyền, 05 xe thu gom rác và giống cây cảnh tại các thôn xây dựng thôn NTM, thôn NTM kiểu mẫu;

- Báo Ninh Thuận tuyên truyền trên chuyên trang NTM (*báo giấy, báo điện tử*); Đài PT-TH tuyên truyền trên chuyên mục NTM hàng tuần; Mặt trận và các Đoàn thể tuyên truyền gắn với các cuộc vận động như cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị, văn minh”, “Xây dựng gia đình

phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân về chương trình; từ đó tham gia đóng góp tiền của, ngày công, hiến đất... để thực hiện chương trình.

II. Kết quả thực hiện các nội dung chính của Chương trình

1. Quy hoạch xây dựng NTM

Thực hiện Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án xây dựng NTM trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020, huyện Ninh Hải được tỉnh chọn làm thí điểm xây dựng Đề án. Do đây là đề án thí điểm và có nhiều nội dung mới nên quá trình xây dựng Đề án kéo dài, đặc biệt là quá trình xây dựng Đề án Quy hoạch vùng huyện gắn với Đề án. Đến cuối năm 2020, Đề án Quy hoạch vùng huyện và Đề án xây dựng NTM trong quá trình đô thị hóa mới được phê duyệt³.

Do thời gian xây dựng, phê duyệt Đề án quá chậm, đã hết thời gian thực hiện theo Quyết định số 676/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên Đề án sẽ được triển khai thực hiện sau năm 2020.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Từ nguồn vốn trực tiếp của Chương trình được Trung ương phân bổ, các địa phương đã đầu tư bê tông hóa 58,5 km đường giao thông nông thôn (*đường trục thôn, ngõ xóm, nội đồng*), kiên cố hóa 5,47 km kênh mương nội đồng; xây dựng 04 công trình Đài Phát thanh xã; 06 công trình điện; nâng cấp, sửa chữa 14 trung tâm Văn hóa - Thể thao thôn, xã; 10 trường học; 01 trạm y tế, 02 hệ thống cấp nước sinh hoạt và 34 công trình hỗ trợ trực tiếp cho các HTX (*nhà kho, sân phơi, trụ sở làm việc...*)⁴ với tổng kinh phí 124,59 tỷ đồng.

Ngoài nguồn vốn trực tiếp từ chương trình NTM, các địa phương chủ động lồng ghép nguồn vốn từ chương trình MTQG giảm nghèo và các chương trình, dự án khác, vốn doanh nghiệp, cộng đồng dân cư... trên địa bàn để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã.

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân.

a. Về phát triển sản xuất

5 không, 3 sạch” gắn với chủ đề năm 2020 “An toàn cho phụ nữ và trẻ em”; Tỉnh đoàn tổ chức cuộc thi “ Tuổi trẻ Ninh Thuận với chương trình chung tay xây dựng nông thôn mới” trên trang TTĐT ; Công an tỉnh tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và vận động nhân dân tham gia đảm bảo ANTT, xây dựng NTM...

³ Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải đến năm 2040; Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 phê duyệt Đề án xây dựng NTM trong quá trình đô thị huyện Ninh Hải.

⁴ Hỗ trợ các HTX: 04 công trình giao thông/1,08 km; 03 công trình kênh mương/1,6 km; 01 công trình điện; 09 trụ sở làm việc; 01 lò giết mổ; 01 điểm thu mua và 15 công trình sân phơi, nhà sơ chế.

Các địa phương đã chú trọng thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung thực hiện các khâu đột phá về hạ tầng thủy lợi, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng các vùng sản xuất tập trung với các loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế của địa phương, phát triển doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ cao và xây dựng các liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Từ nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình, các địa phương đã thực hiện nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả (*cải tạo đàn bò, dê, cừu; măng tây xanh, nho, tỏi...*), tưới tiết kiệm nước, chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả và hỗ trợ trực tiếp cho các HTX tham gia thực hiện cánh đồng lớn, xây dựng dự án liên kết sản xuất; chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm, tập huấn, xây dựng mô hình khuyến nông...

Ngoài nguồn vốn trực tiếp của Chương trình các địa phương cũng đã lồng ghép các nguồn vốn khác để hỗ trợ phát triển sản xuất trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, khai thác và nuôi trồng thủy sản, bảo vệ và phát triển rừng góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.⁵

b. Phát triển kinh tế tập thể.

Trong năm đã tổ chức 15 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật HTX cho 675 người tham gia và tổ chức 01 lớp tập huấn liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản; vận động thành lập mới 05 HTX⁶, nâng tổng số HTX nông, ngư, diêm nghiệp và ngành nghề nông thôn trên địa bàn 47 xã có 67 HTX; Phối hợp với các địa phương báo cáo kết quả đánh giá, phân loại và xếp loại hợp tác xã nông nghiệp theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT⁷.

⁵ Trong năm toàn tỉnh đã chuyển đổi được 1.528 ha/1.056,93 ha vượt 44,57% KH (vụ Đông Xuân chuyển đổi được 955,7 ha/591,2 ha KH; vụ Hè Thu chuyển đổi được 424,3 ha /320 ha KH; vụ Mùa chuyển đổi được 148 ha /145,73 ha KH), trong đó phân theo đối tượng cây trồng: Cây ngắn ngày 1.325,1 ha, cây dài ngày 202,9 ha; phân theo loại đất chuyển đổi: Từ đất lúa 1.079,9 ha, đất khác 448,1 ha. Tiếp tục duy trì và triển khai mới được 30 cánh đồng lớn, tổng diện tích 3.642,36 ha, đạt 91,87% KH (triển khai mới 06 cánh đồng với diện tích 430 ha ; tiếp tục duy trì 24 cánh đồng với diện tích 3.212,26 ha).

Về khai thác và nuôi trồng thủy sản : Tổng sản lượng khai thác đạt 118.690 tấn⁵, tăng 4,5% so năm 2019; năng lực tàu cá hiện tại là 2.475 chiếc⁵, tăng 8 chiếc so năm 2019. Sản lượng tôm thương phẩm ước đạt 6.009 tấn; Cá ước đạt 772 tấn và thủy sản khác ước đạt 2.944,1 tấn; Tôm giống đạt 42.684 triệu con Postlarvae và giống thủy sản khác 383 triệu con. Công tác bảo vệ rừng và phát triển rừng tại các xã miền núi được các ngành, các cấp quan tâm phối hợp thực hiện. Hoạt động giao khoán bảo vệ rừng gắn kết giao khoán bảo vệ với phát triển sinh kế bền vững của các hộ dân được phát triển, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

⁶ Gồm có: (1) HTX DVNN Hộ Hải, huyện Ninh Hải; (2) HTX NN và DV Trương Lai Xanh Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn; (3) HTX DVNN và thu mua nông sản Ba Khoa- Phước Thuận, huyện Ninh Phước; (4) HTX NN CNC Nam Miền Trung (Phước Tiến); (5) HTX DVNN Đồng Tiến (Phước Tân).

⁷ Kết quả có 11/73 HTX xếp loại tốt, chiếm 15,06%; 22/73 HTX xếp loại khá, chiếm 30,13%; 14/73 HTX xếp loại trung bình, chiếm 17,17%; 04/73 HTX xếp loại yếu, chiếm 5,47%; có 09/73 HTX chưa xếp loại, chiếm 14,28% (do mới thành lập); 10/73 HTX không chấm điểm, chiếm 13,69% % (trong đó

Đồng thời trong năm cũng tiếp tục hỗ trợ thực hiện mô hình đưa cán bộ trẻ về làm việc tại các HTX, góp phần hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX.

Theo báo cáo của các địa phương, trên địa bàn 47 xã thực hiện Chương trình vẫn còn 07 xã chưa có HTX⁸, chưa đáp ứng yêu cầu về tiêu chí của chương trình.

c. Đào tạo nghề lao động nông thôn

Từ nguồn kinh phí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, ngành Lao động, Thương binh và Xã hội đã phối hợp cùng các địa phương tổ chức đào tạo nghề cho 2.834 lao động nông thôn/2.600 lao động theo kế hoạch, đạt 109% chỉ tiêu kế hoạch (trong đó có 1.762 lao động nữ/2.834 lao động học nghề, chiếm 62,17%; 725 lao động được đào tạo nghề phi nông nghiệp và 2.109 lao động được đào tạo nghề nông nghiệp) với tổng kinh phí 5.611 triệu đồng.

Qua đào tạo, người lao động đã áp dụng kiến thức đã học để tăng năng suất lao động, tự tạo việc làm, góp phần vào chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn⁹; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 60,17%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp 45,09%, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề 24,06%.

d. Chương trình OCOP – Mỗi xã một sản phẩm

Đã tổ chức 53 lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ và các chủ thể tham gia chương trình với 3.750 lượt người tham dự (trong đó có 28 lớp cho đối tượng cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã; 25 lớp cho đối tượng cán bộ cấp xã và chủ thể tham gia chương trình). Tổ chức và tham gia 08 hội chợ, xúc tiến thương mại và sản phẩm OCOP; Hội nghị xúc tiến cung - cầu từ Chương trình OCOP. Kết nối và ký kết thành công 08 hợp đồng kinh tế giữa các chủ thể có sản phẩm OCOP và hệ thống siêu thị, kênh phân phối, bán lẻ trong và ngoài tỉnh¹⁰. Qua đánh giá, phân loại đã trao chứng nhận cho 69 sản phẩm OCOP của 19 chủ thể trên địa bàn tỉnh, trong đó có 08 sản phẩm đạt tiềm năng 5 sao, 10 sản phẩm đạt 4 sao và 51 sản phẩm đạt 3 sao.

có 04 HTX thuộc địa bàn huyện Ninh Hải; 03 HTX thuộc địa bàn huyện Thuận Bắc và 03 HTX thuộc địa bàn Thành phố PRTC), có 03/73 HTX chờ giải thể, chiếm 4,20%.

⁸ Các xã: Phước Trung, Phước Thành (Bác Ái); Ma Nới (Ninh Sơn); Phước Kháng, Phước Chiến (Thuận Bắc) và Phước Hà, Phước Minh (Thuận Nam).

⁹ Có 1.735/2.834 lao động vận dụng có hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế sản xuất nhằm nâng cao năng suất, tăng thu nhập sau khi học nghề; 153/2.834 lao động tự tạo việc làm; 374/2.834 lao động thành lập Tổ, Đội, Nhóm, HTX sản xuất kinh doanh; 572/2.834 lao động được doanh nghiệp tuyển dụng sau khi học nghề.

¹⁰ Công ty TNHH nước mắm Cana và Sài Gòn Co.opmart Miền Trung; Công ty Cánh đồng Việt và Vinmart; HTX KH DVTH Xuân Hải và Co.opmart Ninh Thuận; CSSX Quang Minh và Sài Gòn Co.opmart Miền Bắc; Công ty CP Năng và Gió và BigC khu vực Miền Trung; Cơ sở kinh doanh dê cừu Triệu Tín và Sàn thương mại điện tử chodaumoi.com; Vương Quốc gia Núi Chúa và Công ty CP Sài Gòn Asset; Công ty TNHH SXTM Thái Thuận và Sàn Giao dịch OCOP Mart.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

Lồng ghép Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, các địa phương đã triển khai thực hiện các dự án thành phần của chương trình để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, công tác truyền thông, nâng cao năng lực ...; thực hiện các chính sách an sinh xã hội góp phần thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo ở địa phương.

Theo Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020, số hộ nghèo khu vực nông thôn là 8.315 hộ/114.847 hộ, chiếm tỷ lệ 7,24% (*giảm 1,97% so với năm 2019 là 9,21%*).

5. Phát triển Giáo dục- Y tế- Văn hóa và Môi trường

- **Về Giáo dục:** Ngành Giáo dục đã chú trọng đến các nội dung liên quan đến tiêu chí NTM như: công tác phổ cập giáo dục ở các cấp trung học, tiểu học và xóa mù chữ ở cơ sở, duy trì sĩ số ở các cấp học, tăng cường vận động và mở các lớp học nghề... góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội nông thôn.

- **Về Y tế:** Thực hiện Đề án xây dựng xã đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020, đến nay có 42/47 xã đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế. Trong năm ngành Y tế tiếp tục thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế và thu hút nguồn nhân lực. Năm 2020 toàn tỉnh đạt 10 bác sỹ/10.000 dân; tỷ lệ xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc đạt 89,8%; tất cả các trạm Y tế đều có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi, có nhân viên y tế thôn. Ngoài ra, các trạm Y tế còn có mạng lưới cộng tác viên về dân số, chăm sóc bà mẹ trẻ em, phòng chống HIV, Lao, Sốt rét, truyền thông giáo dục sức khỏe. Hiện nay các Trạm y tế đã được trang bị các thiết bị cơ bản như máy siêu âm xách tay, máy đo đường huyết, máy đo điện tim, máy xét nghiệm nước tiểu ... Trong năm cũng đã xây mới và đưa vào sử dụng 06 trạm y tế xã và chuẩn bị khởi công xây mới 04 trạm y tế xã¹¹.

- **Về Văn hóa:** Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được các địa phương quan tâm triển khai thực hiện và phát triển tương đối mạnh, ổn định, đi vào chiều sâu. Việc thực hiện nếp sống văn hoá, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội đã được cụ thể hoá bằng kế hoạch, quy chế của các địa phương và thực hiện đi vào nề nếp; các lễ hội được tổ chức đảm bảo đúng quy trình và theo nghi thức truyền thống. Việc xây dựng các thiết chế văn hoá cơ sở nhất là xây dựng Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã, Nhà văn hoá – Thể thao thôn đã từng bước được quan tâm đầu tư, xây dựng. Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, Nhà Văn hóa - Thể thao thôn đã trở thành nơi hội họp của các tổ chức chính trị - xã hội và là nơi tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông

¹¹ 6 trạm y tế xây mới ở các xã: Vĩnh Hải, Ma Nới, Phước Hòa, Phước Nam, Phước Tiến, Phước Tân và chuẩn bị xây mới 04 trạm ở các xã: Tri Hải, Phương Hải, Xuân Hải, Quảng Sơn.

tin tuyên truyền thể dục, thể thao vui chơi giải trí cho cộng đồng dân cư ở các thôn.

Tuy ảnh hưởng từ đại dịch COVID 19, nhưng các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao vẫn duy trì và đảm bảo được an toàn; bên cạnh đó có một số địa phương đã cải tiến đa dạng hóa nhiều loại hình nghệ thuật phù hợp với tình hình thực tế, từng bước được đổi mới và nâng cao chất lượng. Việc thực hiện chương trình và các đề án của tỉnh đã có tác động rất lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất của nhân dân; các giá trị văn hoá truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc được giữ gìn và phát huy.

- **Về Môi trường:** Hoạt động bảo vệ và phát triển môi trường tiếp tục được các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo, thực hiện. Nhận thức của người dân trong việc giữ vệ sinh môi trường được nâng cao. Các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh đường làng, ngõ xóm được nhiều địa phương triển khai thực hiện; hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn được hạn chế; hầu hết các địa phương đều triển khai thu gom rác không tiếp đất và hợp đồng với Công ty Nam Thành thu gom, đưa về xử lý tại nhà máy. Nhiều vùng đồng bào dân tộc đã xây dựng được hố xí hợp vệ sinh, cách ly giữa gia súc, gia cầm, vật nuôi với con người; chuồng trại chăn nuôi được quan tâm đầu tư, xây dựng đảm bảo vệ sinh môi trường. Các cơ sở sản xuất- kinh doanh thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường (*Đề án, kế hoạch bảo vệ môi trường, sổ đăng ký nguồn chất thải nguy hại ...*).

Tiếp tục thực hiện Đề án thí điểm thu gom rác thải tại các xã ĐBK theo Quyết định số 172/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chi cục Trồng trọt và BVTV đã tổ chức 10 lớp tập huấn/450 lượt người tham dự và xây dựng 57 hố thu gom rác thải thuộc BVTV tại 03 xã Phước Đại, Phước Chiến, Phước Hà, góp phần hạn chế ô nhiễm trong sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường.

Công tác quản lý các hệ thống cấp nước đã đi vào nề nếp; các công trình được tu sửa bảo dưỡng thường xuyên, chất lượng nước đảm bảo theo tiêu chuẩn và ngày càng được nâng cao. Tỷ lệ hộ khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch đạt 95%, trong đó đạt quy chuẩn là 75%.

6. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở, UBND các huyện, thành phố đã chỉ đạo và tạo điều kiện để UBND các xã thực hiện công tác đào tạo, đào tạo lại nhằm đảm bảo đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới quy định. Theo Kế hoạch, Sở Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần thực hiện đạt hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng

nông thôn mới¹². Tính đến nay đội ngũ cán bộ, công chức 47 xã gồm có 927 người, trong đó có 471 cán bộ (về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ trung cấp trở lên có 467/471 người, tỷ lệ 99,2%; chưa qua đào tạo là 4/471 người, tỷ lệ 0,8%) và 456 công chức (về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ trung cấp trở lên đạt tỷ lệ 100%).

7. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

- Về Quốc phòng: Lực lượng vũ trang huyện, xã thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng tại địa phương; chấp hành nghiêm kỷ luật quân đội, pháp luật Nhà nước. Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn được ổn định, thế trận quốc phòng an ninh nhân dân được giữ vững.

- Về an ninh và trật tự xã hội nông thôn: Trong năm, Công an tỉnh đã triển khai 07 điểm theo kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và vận động nhân dân tham gia đảm bảo ANTT, xây dựng NTM¹³; lực lượng Công an từ huyện đến cơ sở được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương, góp phần kiềm chế hoạt động các loại tội phạm trên địa bàn. Trong năm đã có 22 xã được Bộ Công an đưa ra khỏi diện trọng điểm phức tạp về ANTT¹⁴.

Nhìn chung, có sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế-xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn.

8. Nâng cao năng lực xây dựng NTM và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

a. Tập huấn nâng cao năng lực

Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh và các huyện đã tổ chức 37 lớp tập huấn nghiệp vụ cho 1.642 là cán bộ chuyên trách, phụ trách nông thôn mới cấp huyện, xã, thôn và kế toán các xã¹⁵ về các nội dung trọng tâm của chương trình, đặc biệt là hướng dẫn về Bộ tiêu chí NTM cấp thôn.

b. Công tác Kiểm tra, giám sát

¹² Mở 01 lớp đào tạo tiếng dân tộc Chăm/38 học viên; 01 lớp đào tạo tiếng dân tộc Raglai/45 học viên; 02 lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế/135 học viên; 03 lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên/290 học viên (trong đó có 46 học viên thuộc các xã).

¹³ Các xã: Lợi Hải, Ma Nới, Phước Vinh, Phước Chính, Phước Dinh, Hòa Sơn, Phước Hà.

¹⁴ Các Quyết định số 8437/QĐ-BCA-V05 ngày 28/9/2020 và 11019 /QĐ-BCA-V05 ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an đưa 22 xã ra khỏi diện trọng điểm phức tạp về ANTT gồm: Phước Thái, Phước Vinh, Phước Sơn, Phước Hậu, Phước Hữu, Phước Thuận, Phước Hải, An Hải (huyện Ninh Phước), Xuân Hải, Hộ Hải, Nhơn Hải, Thanh Hải, Vĩnh Hải, Tri Hải (huyện Ninh Hải), Phước Bình, Phước Đại, Phước Thành (huyện Bác Ái), Phước Nam, Phước Diêm, Cà Ná (huyện Thuận Nam), Công Hải (huyện Thuận Bắc), Thành Hải (TP.Phan Rang- Tháp Chàm).

¹⁵ VPĐPNTM tỉnh mở 03 lớp/150 học viên; Ninh Phước: 1 lớp/102 học viên; Thuận Bắc 06 lớp/334 học viên; Ninh Hải: 10 lớp/240 học viên; Thuận Nam 08 lớp/336 học viên, Ninh Sơn: 04 lớp/280 học viên, Bác Ái: 05 lớp/200 học viên,

- Đoàn Kiểm toán nhà nước đã thực hiện và kết thúc kiểm toán kết quả thực hiện Chương trình NTM năm 2019 ở một số sở, ngành và địa phương trong tháng 6/2020. Qua kiểm toán đã đề nghị các đơn vị rút kinh nghiệm trong việc phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình. Sau kiểm toán, Kiểm toán nhà nước tiếp tục thực hiện kiểm đếm ngẫu nhiên ở các xã trên địa bàn tỉnh để xác minh kết quả thực hiện, làm cơ sở cho việc giải ngân vốn của WB¹⁶.

Thực hiện Kế hoạch Kiểm tra chương trình năm 2020, Văn phòng điều phối NTM tỉnh đã phối hợp cùng Văn phòng Điều phối NTM các huyện, các Sở, ngành được phân công phụ trách xã và các huyện tổ chức nhiều đợt kiểm tra tiến độ thực hiện chương trình ở các huyện, xã, thôn, hợp tác xã theo kế hoạch bao gồm kiểm tra toàn diện, kiểm tra theo chuyên đề nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các xã, thôn trong quá trình thực hiện, từ đó đề xuất, kiến nghị các giải pháp hỗ trợ để thực hiện theo mục tiêu kế hoạch đề ra¹⁷.

09. Kết quả phân bổ, huy động nguồn lực

Tổng nguồn vốn các địa phương đã huy động, lồng ghép từ các nguồn để thực hiện là **721.358** triệu đồng, đạt 84,66% kế hoạch huy động nguồn lực. Trong đó nguồn huy động từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và nguồn tín dụng không đạt theo kế hoạch.. Cụ thể:

ĐVT: triệu đồng

STT	Nguồn huy động	Năm 2020	
		Kế hoạch	Thực hiện
	Tổng số	852.000	721.358
1	NS Trung ương	154.090	154.090
-	<i>Đầu tư phát triển</i>	<i>124.590</i>	<i>124.590</i>
-	<i>Sự nghiệp kinh tế</i>	<i>29.500</i>	<i>29.500</i>

¹⁶ Thông báo số 449/TB-KTNN ngày 23/10/2020 của KTNN về kết quả kiểm toán chương trình “ Hỗ trợ thực hiện hai chương trình MTQG xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020” năm 2019 tỉnh Ninh Thuận.

¹⁷ Đã tổ chức kiểm tra toàn diện kết quả thực hiện Chương trình ở huyện Ninh Sơn và các xã đăng ký đạt chuẩn NTM năm 2020 (Quảng Sơn, Mỹ Sơn, Lợi Hải), các xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2020 (Phước Thái, Phước Thuận) , 06 xã dưới 10 tiêu chí (Phước Bình, Phước Thành, Phước Tân, Phước Thắng, Ma Nới, Phước Chiến) và 02 thôn xây dựng thí điểm thôn kiểu mẫu Ninh Quý 2 (xã Phước Sơn), An Nhơn (xã Xuân Hải);

Kiểm tra chuyên đề công tác đào tạo nghề lao động nông thôn ở các huyện : Thuận Bắc, Thuận Nam, Bắc Ái; Kiểm tra mô hình hỗ trợ đưa cán bộ trẻ có trình độ ĐH, CĐ về công tác ở các HTX (các HTX: SX và TM An Xuân, DVNN Gò Đền, DVNN Phước Hậu, DVNN Tuấn Tú

2	NS địa phương	154.090	165.861
	<i>Đầu tư phát triển</i>	<i>124.590</i>	<i>131.433</i>
	<i>Sự nghiệp kinh tế</i>	<i>29.500</i>	<i>34.428</i>
3	Vốn lồng ghép	83.429	269.935
4	Tín dụng	383.346	91.049
5	Vốn doanh nghiệp , HTX và các loại hình kinh tế khác	46.227	23.184
6	Cộng đồng dân cư	30.818	5.681
7	Vốn khác (tài trợ của Chính phủ Ấn Độ)		11.559

10. Xây dựng địa phương đạt chuẩn thôn NTM

a. Cấp huyện

+ Huyện Ninh Phước được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2019 tại Quyết định số 1591/QĐ-TTg ngày 16/10/2020 và đã tổ chức Lễ công bố đúng quy định trong tháng 10/2020.

+ Hồ sơ Huyện Ninh Hải đã được tỉnh thẩm tra và trình Hội đồng thẩm định trung ương thẩm định (trong tháng 1/2021).

+ Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm do chỉ có 01 xã duy nhất nên theo hướng dẫn của Văn phòng Điều phối NTM Trung ương không cần phải làm hồ sơ đề nghị công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

b. Cấp xã

- Về xã phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2020

Do ảnh hưởng kép của hạn hán và dịch Covid-19 nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các xã, đặc biệt là các tiêu chí thu nhập, hộ nghèo đạt thấp so với yêu cầu của tiêu chí do sản xuất bị đình trệ, thiếu việc làm. Theo kết quả đánh giá thực hiện tiêu chí, trong năm chỉ có xã Mỹ Sơn đạt 19/19 tiêu chí và địa phương đang làm hồ sơ trình huyện, tỉnh thẩm tra, thẩm định trong quý I/2021. Hai xã còn lại theo kế hoạch không đạt gồm Quảng Sơn và Lợi Hải.

Ngoài ra, tháng 7/2020 đã công nhận xã Vĩnh Hải đạt chuẩn NTM năm 2020 nên trong năm có thể có 02 xã đạt chuẩn NTM.

- Về xã phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2020

Theo báo cáo của các địa phương thì hiện nay chỉ có các xã Phước Thuận (Ninh Phước) và Thanh Hải (Ninh Hải) có khả năng đạt chuẩn và đang làm hồ

sơ tự đánh giá, thăm tra ở cấp xã, huyện; dự kiến trình tỉnh thẩm định, công nhận trong quý I/2021.

Các xã còn lại Thành Hải (*Phan Rang- Tháp Chàm*), Phước Thái (*Ninh Phước*), Xuân Hải (*Ninh Hải*) do không hoàn thành 100% yêu cầu các tiêu chí đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao¹⁸.

c. Cấp thôn

+ *Thôn NTM kiểu mẫu*: Một số nội dung triển khai còn khá chậm, nhất là công tác quy hoạch chỉnh trang khu dân cư. Các tiêu chí về thu nhập, hộ nghèo có yêu cầu khá cao¹⁹ trong khi tác động của dịch Covid-19 kéo dài, ảnh hưởng đến sản xuất, việc làm của người dân bị đình trệ; các thôn không đạt theo yêu cầu tiêu chí trong điều kiện hiện nay.

+ *Thôn nông thôn mới*: Việc triển khai ở cấp thôn chủ yếu do huyện, xã chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nhưng chưa được các địa phương quan tâm; cán bộ cấp cơ sở còn lúng túng trong việc hướng dẫn cấp thôn thực hiện và đánh giá tiêu chí. Ngoài các thôn thuộc các xã trong Đề án Hỗ trợ thôn, bản ĐBKK theo Quyết định số 1385/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ đăng ký thực hiện thì các địa phương còn lại hầu như không quan tâm, đăng ký triển khai thực hiện.

11. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí

Nhóm xã	Toàn tỉnh	Đơn vị						
		Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam	PR-TC
Nhóm 1 - đạt chuẩn NTM: 19 TC ²⁰	24		4	8	8	1	2	1
Nhóm 2 - cơ bản đạt chuẩn: từ 15- 18 TC ²¹	9	1	2			2	4	
Nhóm 3 - các xã khá: từ 10 -14 TC	14	8	1			3	2	
Nhóm 4 - xã trung bình: từ 5-9 TC								
Nhóm 5 - xã khó								

¹⁸ - Xã Thành Hải không đạt chỉ tiêu PCGD THCS mức độ 3 thuộc tiêu chí Giáo dục- Y tế- Văn hóa;
- Xã Phước Thái không đạt chỉ tiêu về tỷ lệ bê tông hóa đường giao thông thuộc tiêu chí Hạ tầng KT-XH;
- Xã Xuân Hải không đạt chỉ tiêu về Thu nhập; 70% CB, CC xã có trình độ ĐH và Tổ chức Đảng, chính quyền không đạt ở mức xếp loại cao nhất.

¹⁹ Tiêu chí thu nhập yêu cầu phải đạt gấp 1,5 lần tiêu chí thu nhập của xã năm 2020, tương đương 61,5 triệu đồng/người; tiêu chí hộ nghèo yêu cầu không có hộ nghèo trên địa bàn thôn.

²⁰ Trong đó có xã Mỹ Sơn chưa có quyết định công nhận

²¹ Trong đó có 03 xã đã đạt chuẩn nhưng không duy trì đủ 19 tiêu chí gồm: Công Hải (*18 tiêu chí*), Cà Ná (*18 tiêu chí*), Phước Diêm (*16 tiêu chí*).

khăn: dưới 05 TC								
Tổng số xã	47	9	7	8	8	6	8	1
Tổng số tiêu chí	767	108	118	152	152	89	129	19
Tiêu chí bình quân/ xã	16,32	12	16,86	19	19	14,83	16,13	19

III. Đánh giá chung

1. Những mặt được

Mặc dù có nhiều khó khăn do các yếu tố khách quan, nhất là dịch Covid-19 và hạn hán nhưng các Sở, ngành, địa phương đã tích cực phối hợp, nỗ lực triển khai thực hiện tốt các nội dung trọng tâm của chương trình.

Công tác tuyên truyền, vận động tiếp tục được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện với nhiều nội dung, hình thức khác nhau. Mặt trận và Các Hội, Đoàn thể tiếp tục lồng ghép, triển khai thực hiện các phong trào, các cuộc vận động gắn với xây dựng nông thôn mới góp phần nâng cao nhận thức, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

Lồng ghép, thực hiện tốt các Chương trình, đề án gắn với xây dựng nông thôn mới như chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chương trình OCOP, Đề án hỗ trợ thôn, bản các xã đặc biệt khó khăn, đào tạo nghề lao động nông thôn ... góp phần đầu tư tương đối đồng bộ kết cấu hạ tầng nông thôn; chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế nông thôn góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Nguồn vốn thực hiện chương trình được tinh phân bổ kịp thời và các địa phương đã chủ động trong việc lồng ghép, huy động các nguồn vốn khác để thực hiện.

Trong năm đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Ninh Phước đạt chuẩn huyện nông thôn mới và tiếp tục trình hồ sơ đề nghị trung ương thẩm định, xét công nhận huyện Ninh Hải đạt chuẩn nông thôn mới (*dự kiến trong quý I/2021*). Đối với cấp xã, hiện nay không còn xã dưới 10 tiêu chí và đều thuộc nhóm từ trung bình trở lên.

2. Một số tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện

Mặc dù mục tiêu của Chương trình giai đoạn 2016-2020 vượt so với chỉ tiêu của Tỉnh ủy và Thủ tướng Chính phủ giao²² nhưng một số mục tiêu cơ bản năm 2020 chưa đạt theo kế hoạch²³ và vẫn còn huyện “trắng” về nông thôn mới²⁴.

²² Mục tiêu của Nghị quyết đến năm 2020 toàn tỉnh có 24 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tỷ lệ 51,06% và chỉ tiêu kế hoạch thực hiện chương trình giai đoạn 2016-2020 do Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 có 25 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tỷ lệ 53,2%; bình quân đạt 15,19 tiêu chí/xã.

²³ Dự kiến chỉ có 02/03 xã đạt chuẩn NTM; 02/05 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và tiêu chí bình quân/xã đạt 16,32/16,5 theo kế hoạch; không có thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

²⁴ Huyện “trắng” về nông thôn mới là huyện chưa có xã nào được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (*huyện Bác Ái*)

Công tác tuyên truyền, vận động về thực hiện chương trình vẫn còn hạn chế, đặc biệt việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các cơ chế, chính sách của trung ương, tỉnh liên quan đến chương trình, chưa hướng dẫn, phổ biến sâu rộng cho cán bộ, công chức cấp cơ sở và người dân, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, xã đặc biệt khó khăn.

Việc duy trì, giữ vững chất lượng tiêu chí ở các xã đã được công nhận đạt chuẩn vẫn còn hạn chế; xây dựng xã, thôn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu vẫn còn khó khăn. Việc triển khai thực hiện Chương trình ở cấp thôn còn nhiều hạn chế, chưa được xã, huyện quan tâm đúng mức; đội ngũ cán bộ cấp thôn đa phần là người lớn tuổi, có kinh nghiệm nhưng kém năng động, sáng tạo; thiếu phương tiện, trang thiết bị trong việc theo dõi, lập hồ sơ đánh giá cấp thôn. Đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ phụ trách NTM ở xã có nhiều xáo trộn, thay đổi; chưa thật sự am hiểu chương trình nên còn lúng túng trong việc theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho lãnh đạo cơ sở trong việc triển khai chương trình. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa được đồng bộ, thường xuyên, chặt chẽ.

Do ảnh hưởng kép của dịch Covid-19 và tình hình nắng hạn kéo dài nên việc triển khai Chương trình còn gặp nhiều khó khăn, tiến độ thực hiện một số nội dung chương trình ở các địa phương còn chậm (*phát triển sản xuất, đào tạo nghề cho lao động nông thôn...*) làm ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và việc làm của người lao động; ảnh hưởng đến việc huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cộng đồng dân cư và đặc biệt tác động mạnh đến kết quả thực hiện các tiêu chí về thu nhập, hộ nghèo, nhất là ở các xã có đông đồng bào DTTS. Phần lớn các xã ĐBKK đều không đạt tiêu chí về thu nhập và hộ nghèo (*huyện Bắc Ái không có xã nào đạt 02 tiêu chí này*) và số hộ nghèo chủ yếu tập trung, chiếm tỷ lệ cao ở các huyện Bắc Ái, Ninh Sơn, Thuận Bắc với 6.051/8.315 hộ khu vực nông thôn toàn tỉnh.

Nhiều địa phương chưa thật sự quan tâm, hỗ trợ các HTX; nguồn vốn phân bổ hỗ trợ các HTX chậm phân bổ hoặc bị điều chuyển sang thực hiện các nội dung khác.

Tiến độ thực hiện các Đề án đặc thù như Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa, Đề án Hỗ trợ thôn, bản các xã ĐBKK triển khai khá chậm, hiệu quả tác động không cao.

IV. Định hướng thực hiện năm 2021

Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, năm 2021 sẽ phấn đấu có từ 2-3 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Tuy nhiên, hiện nay Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 hiện vẫn chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư (*dự kiến sẽ được phê duyệt tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV*) và các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn mới chưa được ban hành, hướng dẫn.

Theo văn bản số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Chương trình, năm 2021 sẽ tiếp tục áp dụng các chế độ, chính sách và Bộ Tiêu chí nông thôn mới các cấp hiện hành để đánh giá.

Để thực hiện mục tiêu theo Quyết định của UBND tỉnh, trong năm 2021 tiếp tục triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Nhiệm vụ:

- Tập trung chỉ đạo và ưu tiên nguồn lực để hỗ trợ các thôn, xã đăng ký phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới, chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2021.

- Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của trung ương (*sau khi ban hành*) tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, áp dụng cho giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục đầu tư đồng bộ, hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn xã, nhất là các xã ĐBK, xã bãi ngang, xã nghèo 30a.

- Lồng ghép thực hiện tốt các Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình OCOP, Chương trình Khoa học – Công nghệ ... với quá trình xây dựng nông thôn mới; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng hình thành các chuỗi giá trị; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, hiệu quả và tăng giá trị gia tăng.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức trong cán bộ, quần chúng nhân dân về chương trình nông thôn mới; thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” do Ủy ban trung ương MTTQ Việt Nam phát động và các phong trào, các cuộc vận động khác của các hội, đoàn thể gắn với xây dựng nông thôn mới .

- Đẩy mạnh việc huy động và lồng ghép các nguồn lực để thực hiện chương trình

2. Một số giải pháp trọng tâm

a) Về công tác chỉ đạo điều hành

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện chương trình năm 2021, các Sở, ngành, Hội, Đoàn thể và Ban chỉ đạo các địa phương cụ thể hoá kế hoạch chi tiết của đơn vị mình để triển khai thực hiện;

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống Ban chỉ đạo và bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo các cấp theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp xã, thôn tham gia thực hiện chương trình phù hợp với giai đoạn mới.

a) Về cơ chế, chính sách

Rà soát, bổ sung, điều chỉnh hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến chương trình phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và điều kiện thực tế của địa phương, nhất là cơ chế quản lý, điều hành; cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; quy định về, thanh quyết toán vốn chương trình ...

Xây dựng Đề án nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 để làm cơ sở triển khai thực hiện.

b) Về công tác tuyên truyền

Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các Hội, Đoàn thể, các cơ quan thông tấn, phát thanh, báo chí; Văn phòng điều phối nông thôn mới các cấp phối hợp, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền; có các hình thức phù hợp để vận động các tầng lớp nhân dân hưởng ứng và tích cực tham gia phong trào “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; vận động, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ, đỡ đầu cho các xã đăng ký đạt chuẩn năm 2021.

c) Về đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất

Trên cơ sở hiện trạng về hạ tầng của các xã, lựa chọn và đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu (*giao thông, thủy lợi, nước sạch, trường học, trạm xá...*) phù hợp với nguồn lực huy động được và nhu cầu của người dân.

Ngành Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Liên minh Hợp tác xã, Hội Nông dân tập trung chỉ đạo, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, Hợp tác xã; xây dựng các mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ, hình thành các chuỗi sản xuất khép kín; đẩy mạnh nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả theo đề án hỗ trợ của tỉnh, nhất là các mô hình tưới tiết kiệm; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, sản lượng và giá trị gia tăng để nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

Ngành Lao động- Thương binh và xã hội chủ trì, phối hợp cùng các ngành, địa phương nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu phát triển sản xuất hàng hoá, ứng dụng tiến bộ KHKT; chủ động liên kết với doanh nghiệp để giới thiệu, tạo việc làm cho người lao động.

d) Về huy động nguồn lực

Các địa phương chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực trên địa bàn (ngân sách nhà nước, vốn vay, vốn tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, vốn

đóng góp của cộng đồng dân cư...) để đầu tư thực hiện chương trình; tăng cường vận động, kêu gọi hợp tác đầu tư xây dựng nông thôn mới trong và ngoài nước.

đ) Công tác kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ trong xây dựng NTM; chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực thực hiện chương trình; tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới .

Trên đây là báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình năm 2020 và định hướng thực hiện năm 2021./.

Nơi nhận:

- VPĐPNTM Trung ương (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN và PTNT (b/c);
- Công an tỉnh (BCĐ nhân quyền);
- UBND các huyện, TP;
- VPĐPNTM các huyện;
- Lưu: VT, Ndrung.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Bạch Văn Dương

Phụ biểu số 02

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 19/BC-VPĐP ngày 22/02/2021 của Văn phòng điều phối NTM tỉnh Ninh Thuận)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi tiêu	Kế hoạch năm 2020	Kết quả huy động nguồn lực thực hiện đến kỳ báo cáo	Kế hoạch năm 2021
	TỔNG SỐ	852,000	721,358	-
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	154,090	154,090	-
1	Trái phiếu Chính phủ			
2	Đầu tư phát triển	124,590	124,590	
3	Sự nghiệp	29,500	29,500	
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	154,090	165,861	
1	Tỉnh	92,575		
2	Huyện	68,571		
3	Xã			
III	LÔNG GHÉP	83,429	269,935	
IV	VỐN TÍN DỤNG	383,346	91,049	
V	VỐN DOANH NGHIỆP	46,227	23,184	
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	30,818	5,681	
1	Tiền mặt			
2	Ngày công và hiện vật quy đổi			
VII	VỐN KHÁC (tài trợ của tổ chức PCP; vốn khen thưởng...)	-	11,559	

Phụ biểu số 03



**KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020**

(Kèm theo Báo cáo số 19/BC-VPĐP ngày 22/02/2021 của Văn phòng điều phối NTM tỉnh Ninh Thuận)

TT	CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	124,590	124,590		
1	Giao thông	83,210	83,210		
2	Thủy lợi	4,770	4,770		
3	Điện	4,190	4,190		
4	Trường học	8,456	8,456		
5	CSVC Văn hóa	11,952	11,952		
6	Cơ sở hạ tầng thương mại	-	-		
7	Thông tin, truyền thông	500	500		
8	Trạm y tế xã	342	342		
9	Môi trường	-	-		
10	Khác	11,170	11,170		

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ CÁC XÃ NĂM 2020
 (Kèm theo Báo cáo số 19/BC-VPĐP ngày 22/02/2021 của Văn phòng điều phối NTM tỉnh Ninh Thuận)



TT	TÊN TIÊU CHÍ	QH (1)	Giao Thông (2)	Thủy lợi (3)	Điện (4)	Trường học (5)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	CSHT thương mại nông thôn (7)	Thông tin và truyền thông (8)	Nhà ở dân cư (9)	Thu nhập (10)	Hộ nghèo (11)	Lao động có việc làm (12)	Tổ chức sản xuất (13)	Giáo dục và Đào tạo (14)	Y tế (15)	Văn hóa (16)	Môi trường và an toàn thực phẩm (17)	HT tổ chức chính trị (18)	Quốc phòng và An ninh (19)	Số tiêu chí đạt	Bình quân tiêu chí/xã	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
I	Huyện Bắc Ái	9	7	8	9	2	8	9	9	2	-	-	9	4	9	8	7	1	-	7	108	12.00	
1	Phước Đại	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	16		
2	Phước Tiên	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	12		
3	Phước Trung	Đ	Đ		Đ		Đ	Đ	Đ				Đ		Đ	Đ	Đ			Đ	11		
4	Phước Hòa	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ		Đ	Đ					12		
5	Phước Bình	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ	Đ				12		
6	Phước Chính	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ				Đ		Đ	Đ	Đ			Đ	12		
7	Phước Thành	Đ		Đ	Đ		Đ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ				Đ	11		
8	Phước Thắng	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ				Đ		Đ		Đ			Đ	11		
9	Phước Tân	Đ		Đ	Đ		Đ	Đ	Đ				Đ		Đ	Đ	Đ			Đ	11		
II	Huyện Ninh Sơn	7	5	5	7	7	7	7	7	6	5	4	7	6	7	6	7	6	5	7	118	16.86	
1	Xã Nhơn Sơn	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
2	Xã Hòa Sơn	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	17	
3	Xã Ma Nởi	Đ			Đ	Đ	Đ	Đ	Đ				Đ		Đ		Đ			Đ	10		
4	Xã Quảng Sơn	Đ			Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	15		
5	Xã Lương Sơn	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
6	Xã Lâm Sơn	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
7	Xã Mỹ Sơn	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
III	Huyện Thuận Bắc	6	6	6	6	5	4	3	6	6	1	2	5	4	3	6	6	2	6	6	89	14.83	
1	Xã Công Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	18	
2	Xã Bắc Phong	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
3	Xã Lợi Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	16	
4	Xã Bắc Sơn	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ			Đ	Đ		Đ	Đ			Đ	Đ	13	
5	Xã Phước Chiến	Đ	Đ	Đ	Đ				Đ	Đ			Đ			Đ	Đ		Đ	Đ	11		
6	Xã Phước Kháng	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ					Đ	Đ			Đ	Đ	12		
IV	Huyện Thuận Nam	8	7	8	8	7	8	7	8	5	5	5	8	5	8	5	8	6	5	8	129	16.13	
1	Xã Cà Ná	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	18	
2	Xã Phước Nam	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
3	Xã Phước Diêm	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ		Đ	Đ		Đ	Đ	16	

TT	TÊN TIÊU CHÍ	QH (1)	Giao Thông (2)	Thủy lợi (3)	Điện (4)	Trường học (5)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	CSHT thương mại nông thôn (7)	Thông tin và truyền thông (8)	Nhà ở dân cư (9)	Thu nhập (10)	Hộ nghèo (11)	Lao động có việc làm (12)	Tổ chức sản xuất (13)	Giáo dục và Đào tạo (14)	Y tế (15)	Văn hóa (16)	Môi trường và an toàn thực phẩm (17)	HT tổ chức chính trị (18)	Quốc phòng và An ninh (19)	Số tiêu chí đạt (20)	Bình quân tiêu chí/xã (21)	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
4	Xã Phước Hà	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ				Đ		Đ		Đ		Đ	Đ	12		
5	Xã Phước Ninh	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
6	Xã Phước Minh	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	16		
7	Xã Nhị Hà	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	15	
8	Xã Phước Dinh	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	14		
V	Huyện Ninh Hải	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	152	19.00	
1	Xã Tri Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
2	Xã Phương Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
3	Xã Tân Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
4	Xã Xuân Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
5	Xã Hộ Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
6	Xã Thanh Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
7	Xã Nhon Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
8	Xã Vĩnh Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
VI	Huyện Ninh Phước	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	152	19.00	
1	Xã Phước Thái	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
2	Xã Phước Sơn	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
3	Xã Phước Vĩnh	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
4	Xã Phước Hậu	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
5	Xã Phước Thuận	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
6	Xã Phước Hữu	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
7	Xã An Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
8	Xã Phước Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	
VII	Phan Rang - TC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19		
1	Xã Thành Hải	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	19	19
	Cộng toàn tỉnh	47	42	44	47	38	44	43	47	36	28	28	46	36	44	42	45	32	33	45	767	16.32	
	Tỉ lệ (%)	100	89.4	93.6	100	80.9	93.6	91.5	100	76.6	59.57	59.6	97.9	76.6	93.6	89.4	95.7	68.1	70.2	95.7			


KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 19/BC-VPĐP ngày 22/02/2021 của Văn phòng điều phối NTM tỉnh Ninh Thuận)

TT	Nội dung đầu tư	Kết quả huy động và thực hiện đến kỳ báo cáo													Ghi chú
		Khối lượng	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp						Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Khác (tài trợ của tổ chức PCP; vốn khen thưởng...)	
				Tổng số	Ngân sách Trung ương			NSDP							
					TPCP	ĐTPT			SN						
					TN	NN'									
	Tổng		721,358	154,090	-	70,590	54,000	29,500	165,861	269,935	91,049	23,184	5,681	11,559	
1	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới		515	350	-	-	-	350	-	165	-	-	-	-	
2	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới		1,077	900	-	-	-	900	-	177	-	-	-	-	
3	Hoạt động của BCĐ và cơ quan tham mưu, giúp việc ở các cấp		1,240	1,240	-	-	-	1,240	-	-	-	-	-	-	
4	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới		7,825	-	-	-	-	-	7,825	-	-	-	-	-	
5	Phát triển hạ tầng - kinh tế xã hội		500,654	113,820	-	70,590	43,230	-	131,215	215,066	129	23,184	5,681	11,559	
5.1	Giao thông nông thôn		230,400	83,210	-	55,146	28,064	-	33,823	107,625	129	1,151	4,463	-	
5.2	Thủy lợi nội đồng		90,017	4,770	-	4,770	-	-	23,058	62,184	-	-	5	-	
5.3	Điện nông thôn		25,969	4,190	-	1,740	2,450	-	-	1,103	-	20,400	276	-	
5.4	Trường học		63,765	8,456	-	2,140	6,316	-	32,309	14,569	-	1,633	126	6,672	
5.5	CSVC Văn hóa huyện, xã		28,456	11,302	-	5,302	6,000	-	1,846	15,188	-	-	120	-	
5.6	CSVC Văn hóa thôn, bản		7,988	650	-	650	-	-	43	2,408	-	-	-	4,887	
5.7	Chợ nông thôn		1,081	-	-	-	-	-	191	890	-	-	-	-	
5.8	Trạm y tế xã		3,763	342	-	342	-	-	1,496	1,925	-	-	-	-	
5.9	Thông tin và truyền thông cơ sở		1,352	500	-	500	-	-	-	852	-	-	-	-	
5.10	Công trình cung cấp nước sinh hoạt cho người dân		613	400	-	-	400	-	-	205	-	-	8	-	
5.11	Nhà ở dân cư		883	-	-	-	-	-	200	-	-	-	683	-	
5.12	Công trình khác		46,368	-	-	-	-	-	38,250	8,118	-	-	-	-	

6	Phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết	18,953	10,168	-	-	-	10,168	6,000	2,785	-	-	-	-
7	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp	10,451	930	-	-	-	930	-	9,521	-	-	-	-
8	Hỗ trợ phát triển HTX và cơ sở hạ tầng hợp tác xã	10,988	10,770	-	-	10,770	-	218	-	-	-	-	-
9	Đào tạo nghề LĐ nông thôn	6,315	5,565	-	-	-	5,565	750	-	-	-	-	-
10	Phát triển ngành nghề nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Phát triển giáo dục ở nông thôn	9,000	2,147	-	-	-	2,147	6,853	-	-	-	-	-
12	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Vệ sinh môi trường nông thôn	12,400	400	-	-	-	400	12,000	-	-	-	-	-
14	Khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Đào tạo cho công chức xã	300	300	-	-	-	300	-	-	-	-	-	-
16	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	80	-	-	-	-	-	-	80	-	-	-	-
17	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	17,187	7,500	-	-	-	7,500	-	9,687	-	-	-	-
18	Đầu tư phát triển sản xuất nâng cao thu nhập	91,549	-	-	-	-	-	-	629	90,920	-	-	-
19	Nội dung khác (nếu có)	32,824	-	-	-	-	-	1,000	31,824	-	-	-	-